

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2020/LĐ-PT

Ngày 08-12-2020

V/v tranh chấp bồi thường thiệt
hại do tai nạn lao động dẫn đến
chết người

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Tấn Quốc

Các Thẩm phán:

Bà Lê Thị Kim Nga

Bà Phùng Thị Cẩm Hồng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Sang – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Long An: Ông Nguyễn Văn Kiệp
- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 08 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 10/2020/TLPT-LĐ ngày 21 tháng 10 năm 2020 về việc “V/v tranh chấp bồi thường thiệt hại do tai nạn lao động dẫn đến chết người”.

Do bản án lao động sơ thẩm số 22/2020/LĐ-ST ngày 31 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Đ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2020/QĐ-PT ngày 26 tháng 10 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm 1984; địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước (có mặt).

Người đại diện ủy quyền của nguyên đơn: Ông Ngô Quang Đ, sinh năm 1983; Địa chỉ: Xóm 4, xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An. (Theo Hợp đồng ủy quyền ngày 09/11/2020) (có mặt).

- *Bị đơn có phần tố:* Công ty TNHH Tái chế Kim loại V; địa chỉ: Lô 03 HG – 2 đường số 04 Khu công nghiệp X, huyện Đ, tỉnh Long An.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Vũ Đình A – Chức danh: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Võ Thị Trúc T1, sinh năm 1996; địa chỉ: 99 đường N, phường N, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Công ty TNHH Tái chế Kim loại V: Ông Trịnh Đức D là luật sư của Công ty luật sư V thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Cháu Trần Nguyễn Dạ T2, sinh ngày 23/8/2005, có người giám hộ là bà Nguyễn Thị Ngọc T (có mặt).

- Người kháng cáo: Công ty TNHH Tái chế Kim loại V, bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 01/6/2020 do bà Nguyễn Thị Ngọc T ký tên và các lời khai tiếp theo tại Tòa án bà T trình bày như sau:

Bà là vợ ông Trần Văn T (hai người có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng vào năm 2005) và có 01 con chung tên là Trần Nguyễn Dạ T2, sinh ngày 23/8/2005. Ông T là công nhân của Công ty TNHH Tái chế Kim loại V (gọi tắt là Công ty V), vào 13 giờ ngày 28/10/2019 trong lúc làm việc ông T trèo lên bức tường xây gạch không nung tiếp giáp với vách nhà xưởng của công ty làm bằng tole để sắp lại các dây điện vào ống cách điện và dùng dây cột cô định vào máng kim loại phía trên dẫn xuống các hộp đấu nguồn điện của lò nấu kim loại. Đến 16 giờ 30 phút cùng ngày ông T bị rơi từ bức tường xuống nền bê tông phía trên lò nấu kim loại gây bất tỉnh, đầu bị chấn thương ra máu nhiều, những công nhân làm chung đưa đi bệnh viện nhưng đã tử vong theo giấy báo tử số 894/TB-PC02 do Cơ quan cảnh sát điều tra công an tỉnh Long An cấp ngày 30/12/2019.

Sự việc xảy ra, bà và Công ty V có ngồi lại thỏa thuận bồi thường thiệt hại trong tai nạn lao động theo biên bản ngày 23/11/2019 có nội dung: Công ty V mở tài khoản ngân hàng đứng tên con bà là Trần Nguyễn Dạ T2 số tiền 200.000.000 đồng (đây là số tiền đã bao gồm khoản tiền bảo hiểm tai nạn mà đơn vị bảo hiểm sẽ thanh toán đối với trường hợp của ông Trần Văn T. Thời hạn mở tài khoản sau khi hoàn tất thủ tục và đơn vị bảo hiểm thanh toán chi trả tiền bảo hiểm; đối với số tiền trong tài khoản này: Trần Nguyễn Dạ T2 sẽ được toàn quyền định đoạt khi đủ 18 tuổi. Trong trường hợp Trần Nguyễn Dạ T2 chưa đủ 18 tuổi bên A (công ty) có toàn quyền quản lý cho đến khi Trần Nguyễn Dạ T2 đủ 18 tuổi. Bên B cam kết không can thiệp, sử dụng đối với khoản tiền nêu trên trong khoảng thời gian Trần Nguyễn Dạ T2 chưa đủ 18 tuổi. Bên A chịu trách nhiệm thanh toán chi phí sinh hoạt theo định mức hàng tháng là 4.000.000 đồng cho đến khi Trần Nguyễn Dạ T2 đủ 22 tuổi. Bên A chịu trách nhiệm thanh toán tất cả chi phí học tập cho Trần Nguyễn Dạ T2 cho đến khi ngưng học. Chi mai táng cho ông T là 56.576.000 đồng.

Từ khi ông T chết đến tháng 3/2020, Công ty V chỉ đưa chi phí học hành cho cháu T2 đến tháng 2/2020 là 23.950.000 đồng thì ngưng. Đến ngày 04/3/2020 Công ty V và bà có ngồi lại lập lại biên bản thỏa thuận về việc bồi thường thiệt hại trong vụ tai nạn lao động. Nội dung biên bản ngày 04/3/2020 như sau: Chi phí mai táng cho ông T là 56.756.000 đồng, mở tài khoản cho cháu

T2 là 150.000.000 đồng, số tiền này do công ty giữ và sẽ giao cho cháu T2 khi đủ 18 tuổi. Bên B là bà T không có quyền can thiệp và sử dụng. Chi phí sinh hoạt cá nhân cho cháu T2 hàng tháng là 4.000.000 đồng đến khi Thảo 22 tuổi (đã giao 16.000.000); chi phí học hành cho cháu T2 đến khi ngưng học (đã chi là 7.695.000 đồng).

Tuy nhiên, Công ty V vẫn không thanh toán tiền như đã cam kết. Đến tháng 6/2020 Công ty V cũng không thực hiện nội dung hợp đồng. Nay bà khởi kiện yêu cầu Công ty V phải thực hiện thanh toán các khoản tiền nêu trong biên bản thỏa thuận ngày 04/3/2020 làm 01 lần. Số tiền cụ thể: theo điểm 1.2 là 150.000.000 đồng; điểm 1.3 là 7 năm 5 tháng 19 ngày (tính từ ngày 04/3/2020) là 358.533.333 đồng; tiền học của cháu T2: 101.300.000 đồng (trong đó tiền học phí 03 năm học phổ thông là 51.300.000 đồng; 05 năm học đại học là 50.000.000 đồng).

Bị đơn Công ty TNHH Tái chế Kim loại V trình bày:

Công ty V xác nhận là ông Trần Văn T có bị tai nạn lao động tại công ty vào ngày 28/10/2019 dẫn đến tử vong. Ngày 23/11/2019 và ngày 04/3/2020 giữa Công ty V và bà T có lập các biên bản thỏa thuận như bà T trình bày nêu trên là đúng. Tuy nhiên theo biên bản ngày 04/3/2020 tại điểm 2.2 có ghi: “ Trong trường hợp bên B vi phạm các thỏa thuận và cam kết tại bản thỏa thuận này, bên A được quyền đơn phương hủy bỏ bản thỏa thuận này và chấm dứt việc thanh toán các khoản tiền tại Điều 1 ngay thời điểm bên B có hành vi vi phạm ”. Điểm 2.3 có ghi: “Trong trường hợp bên B có yêu cầu cơ quan Nhà nước có thẩm quyền giải quyết việc bồi thường, các bên thống nhất Bản thỏa thuận này chấm dứt hiệu lực ngay tại thời điểm bên B có yêu cầu và bên B phải hoàn trả cho bên A toàn bộ số tiền mà Trần Nguyễn Dạ T2 đã nhận của bên A”.

Do đó nay bà T kiện xem như biên bản ngày 04/3/2020 không có hiệu lực nên công ty không Đ ý bồi thường theo yêu cầu của bà T. Đồng thời Công ty V có yêu cầu phản tố đòi lại số tiền mà đã giao cho cháu T2 sinh hoạt và học tập là 23.695.000 đồng.

Tại bản án lao động sơ thẩm số: 22/2020/LĐ-ST ngày 31 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Đ căn cứ Điều 35, 184, 186, 227, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 145 Bộ luật lao động; Điều 12 Nghị Định 45/2013/NĐ-CP ngày 10/5/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số Điều của Bộ luật lao động về thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi và an toàn lao động, vệ sinh lao động; Điều 104 Luật bảo hiểm xã hội năm 2014; Điều 43, 53, 57, 67 Luật An toàn vệ sinh lao động năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ngọc T tranh chấp “Yêu cầu bồi thường thiệt hại do tai nạn lao động dẫn đến chết người” đối với Công ty TNHH Tái chế Kim loại V.

Buộc Công ty TNHH Tái chế Kim loại V phải bồi thường cho Nguyễn Thị Ngọc T và bà T giám hộ cho Trần Nguyễn Dạ T2 với tổng số tiền là 577.834.583 đồng (Năm trăm bảy mươi bảy triệu tám trăm ba mươi bốn triệu năm trăm tám mươi ba đồng).

Áp dụng Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tính lãi chậm thi hành.

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn Công ty TNHH Tái chế Kim loại V về việc yêu cầu bà T trả 23.695.000 đồng.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí; quyền kháng cáo; quyền yêu cầu, nghĩa vụ và thời hiệu thi hành án.

Ngày 09/9/2020, Công ty V kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xử bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Bà T không rút đơn khởi kiện; Công ty V thay đổi yêu cầu kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm ghi nhận sự thỏa thuận của các bên theo Biên bản thỏa thuận ngày 04/3/2020; ông Đ đồng ý theo yêu cầu của Công ty V thực hiện theo nội dung trong Biên bản thỏa thuận ngày 04/3/2020. Các bên đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án theo Biên bản thỏa thuận ngày 04/3/2020.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về tính hợp lệ của kháng cáo: Đơn kháng cáo làm trong hạn luật định nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Về chấp hành pháp luật: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng những quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng pháp luật.

Về giải quyết yêu cầu kháng cáo: Các bên đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án theo Biên bản thỏa thuận ngày 04/3/2020, đề nghị Tòa án ghi nhận sự thỏa thuận này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Về thủ tục tố tụng:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, những người được Tòa án triệu tập đã có mặt đầy đủ, Tòa án tiến hành xét xử theo trình tự phúc thẩm là phù hợp với quy định tại Điều 296 BLTTDS.

Về việc giải quyết yêu cầu kháng cáo:

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Thùy và ông Đ đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án theo Biên bản thỏa thuận ngày 04/3/2020 cụ thể như sau:

[3] 1. Về mở tài khoản ngân hàng:

[4] - Ngay sau khi cháu T2 mở tài khoản tại một ngân hàng do cháu T2 đứng tên chủ tài khoản, thì Công ty V phải chuyển vào tài khoản của cháu T2 số tiền là 150 triệu đồng và công ty được quyền yêu cầu ngân hàng phong tỏa đầu ra của tài khoản này cho đến khi cháu T2 đủ 18 tuổi.

[5] - Khi cháu T2 đủ 18 tuổi thì ngân hàng nơi cháu T2 mở tài khoản phải chấm dứt việc phong tỏa đầu ra đối với tài khoản này và cháu T2 có toàn quyền sở hữu số tiền gốc 150 triệu đồng và khoản lãi tiền gửi phát sinh.

[6] 2. Về chi phí sinh hoạt cá nhân: Từ ngày 01/3/2020 đến ngày 31/12/2020, Công ty V phải thanh toán tiền sinh hoạt cá nhân cho cháu T2 với số tiền là 40 triệu đồng. Đồng thời, từ ngày 01/01/2021 Công ty V còn phải thanh toán cho cháu T2 mỗi tháng 4.000.000đ tiền sinh hoạt cá nhân cho đến khi cháu T2 đủ 22 tuổi.

[7] 3. Về chi phí học tập: Kể từ ngày 01/3/2020 cho đến khi cháu T2 còn nhu cầu học tập, khi cháu T2 cung cấp cho Công ty V các chứng từ, hóa đơn hợp lệ có liên quan đến việc học tập (kể cả các chứng từ, hóa đơn liên quan đến các chi phí đi học ở nước ngoài, nếu có) thì Công ty V phải thanh toán cho cháu T2 toàn bộ các chi phí thể hiện trên chứng từ, hóa đơn đó.

[8] Các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án tại phiên tòa phúc thẩm nên Công ty V kháng cáo phải chịu toàn bộ án phí phúc thẩm. Công ty V phải chịu án phí sơ thẩm 9.500.000đ tính trên số tiền phải thanh toán cho cháu T2 190 triệu đồng; bà T không chịu án phí sơ thẩm.

[9] Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý vụ án về tranh chấp lao động theo Điều 32 BLTTDS là không phù hợp, đây là vụ án tranh chấp về dân sự bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng theo Điều 26 BLTTDS. Bởi lẽ, vụ án không có tranh chấp giữa người lao động với người sử dụng lao động mà tranh chấp giữa thừa kế của người lao động với người sử dụng lao động.

[10] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên là có căn cứ.

[11] Các phần khác không kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 300 Bộ luật tố tụng dân sự.

Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

Căn cứ Điều 26, 35, 39, 147, 148, 483 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 584, 585, 591 Bộ luật dân sự; Điều 145 Bộ luật lao động; Điều 12 Nghị Định 45/2013/NĐ-CP ngày 10/5/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số Điều của Bộ luật lao động về thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi và an toàn lao động, vệ sinh lao động; Điều 12, 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Công nhận sự thỏa thuận của bà Nguyễn Thị Ngọc T với Công ty TNHH Tái chế Kim loại V về “*tranh chấp yêu cầu bồi thường thiệt hại do tai nạn lao động dẫn đến chết người*”, cụ thể như sau:

- Về mở tài khoản ngân hàng:

+ Ngay sau khi cháu Trần Nguyễn Dạ T2 mở tài khoản tại một ngân hàng do cháu T2 đứng tên chủ tài khoản, thì Công ty TNHH Tái chế Kim loại V phải chuyển vào tài khoản của cháu T2 số tiền là 150.000.000đ (Một trăm năm chục triệu đồng), đồng thời công ty Công ty V có quyền yêu cầu ngân hàng nơi cháu T2 mở tài khoản phong tỏa đầu ra của tài khoản cho đến khi cháu T2 đủ 18 tuổi.

+ Khi cháu Trần Nguyễn Dạ T2 đủ 18 tuổi thì ngân hàng nơi cháu T2 mở tài khoản phải chấm dứt việc phong tỏa đầu ra của tài khoản và cháu T2 có toàn quyền sở hữu số tiền gốc 150.000.000đ (Một trăm năm chục triệu đồng) và khoản lãi tiền gửi phát sinh trong tài khoản này.

- Về chi phí sinh hoạt cá nhân: Từ ngày 01/3/2020 đến ngày 31/12/2020, Công ty TNHH Tái chế Kim loại V phải thanh toán tiền sinh hoạt cá nhân cho cháu Trần Nguyễn Dạ T2 với số tiền là 40.000.000đ (Bốn chục triệu đồng). Từ ngày 01/01/2021, Công ty V còn phải thanh toán cho cháu T2 mỗi tháng 4.000.000đ (Bốn triệu đồng) tiền sinh hoạt cá nhân cho đến khi cháu T2 đủ 22 (hai mươi hai) tuổi.

- Về chi phí học tập: Kể từ ngày 01/3/2020 cho đến khi cháu Trần Nguyễn Dạ T2 còn nhu cầu học tập, khi cháu T2 cung cấp cho Công ty TNHH Tái chế Kim loại V các chứng từ, hóa đơn hợp lệ có liên quan đến việc học tập thì Công ty V phải thanh toán cho cháu T2 toàn bộ các chi phí thể hiện trên chứng từ, hóa đơn đó.

2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí sơ thẩm: Công ty TNHH Tái chế Kim loại V phải chịu 9.500.000đ án phí lao động sơ thẩm, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 593.000đ theo biên lai số 0006073 ngày 18/8/2020 của Chi cục thi hành án huyện Đ; Công ty V còn phải nộp tiếp 8.907.000đ (Tám triệu chín trăm lẻ bảy ngàn đồng) án phí sơ thẩm.

4. Về án phí phúc thẩm: Công ty TNHH Tái chế Kim loại V phải chịu 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số 0006196 ngày 09/9/2020 của Chi cục thi hành án huyện Đ; Công ty V đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành

án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND huyện;
- TANDCC tại Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Long An;
- Chi cục THADS huyện;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Tấn Quốc